

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM - ST

Ngày: 27/4/2022

V/v: T/c Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính ;

2. Ông Lê Văn Tú .

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST- KDTM ngày 04/01/2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST- KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Q

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị S – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Đăng Q – Sinh năm : 1963

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Công ty CP K.

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Đ, phường Đ, thành phố T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đức H – giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L – Sinh năm : 1967

Người làm chứng: Ông Nguyễn Phi H – Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: L, phường Đ, thành phố T.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa:

Ngày 06/9/2019 Công ty TNHH Q ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty cổ phần K để cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho K, theo hợp đồng số 01/2019 ngày 06 tháng 9 năm 2019. Công ty cổ phần K có trách nhiệm thanh toán tiền hàng hóa cho công ty TNHH Q vào các ngày 10 đến 15 hàng tháng của tháng tiếp theo. T hợp đột xuất không thanh toán đúng theo thời gian thỏa thuận theo như hợp đồng thì sẽ phải thông báo lại cho công ty Q trước thời gian thanh toán từ 05 ngày đến 10 ngày.

Ngày 02/4/2020 giữa Công ty TNHH Q và Công ty K đối chiếu công nợ, tính đến ngày 31/3/2020 Công ty cổ phần K còn nợ Công ty TNHH Q số tiền là: 1.491.364.100 đồng(Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng). Sau khi chốt nợ, Công ty cổ phần K không có động thái trả nợ cho công ty TNHH Q, phía Công ty TNHH Q đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng công ty cổ phần K không trả nợ cho công ty chúng tôi. Nay quan điểm của công ty TNHH Q là đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần K phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho công ty Q cụ thể: Tiền gốc: 1491.364.100 đồng; Tiền lãi suất tạm tính đối với khoản nợ trên từ ngày 31/3/2020 đến ngày 22/12/2021 là: 298.200.000 đồng. Tổng cộng: 1.789.564.000 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Ý kiến của ông L đại diện công ty K (Bị đơn):

Tháng 6/2021 tôi được tiếp nhận về làm phụ trách kế toán của công ty cổ phần K. Tình hình lúc về tiếp nhận công việc trong điều kiện K đã tạm ngừng hoạt động, không có điện, kế toán cũ đã nghỉ việc từ trước đó nên không bàn giao chi tiết cụ thể các khoản nợ.

Qua quá trình làm việc tôi chỉ biết công ty cổ phần K trong hệ thống khai báo thuế đang tồn tại một khoản nợ ngắn hạn là khoảng 8,7 tỷ đồng, còn không biết chi tiết nợ những ai. Nay công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần K thanh toán khoản nợ theo hợp đồng nguyên tắc số 01/2019 ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho công ty cổ phần K, thời điểm đó người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần K là ông Nguyễn Phi H, chức vụ Phó giám đốc và bên bán là Công ty TNHH Q. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/4/2020 thì tính đến ngày 31/3/2020 công ty cổ phần K còn nợ công ty TNHH Q là: 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng).

Quan điểm của công ty CP K là do chúng tôi mới tiếp nhận công việc nên chi tiết khoản nợ trên phải kiểm tra lại sổ sách kế toán và các chứng từ liên quan đến khoản nợ trên. Nếu hợp lệ công ty sẽ báo cáo với Tổng công ty và các cổ đông để có hướng giải quyết.

Ý kiến trình bày của ông Nguyễn Phi H là người làm chứng: Tại thời điểm năm 2019, năm 2020 ông là phó giám đốc công ty cổ phần K. Theo Giấy ủy quyền số 03/GUQ ngày 06/9/2019 do ông Phạm Văn T đang giữ chức vụ giám đốc công ty cổ phần K là người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần K (thời gian 2018 đến 2021), ủy quyền cho tôi ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/2019 ngày 06

tháng 9 năm 2019 ngày 02/4/2020 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/4/2020 với Công ty TNHH Q. Số tiền lũy kế công ty cổ phần K nợ công ty TNHH Q tính đến ngày 31/3/2020 là 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng). Từ tháng 11 năm 2021 ông H đã chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty cổ phần K nên ông không nắm được giữa Công ty cổ phần K có còn phát sinh thêm khoản nợ nào của công ty TNHH Q hay không.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty cổ phần K trả Tiền gốc: 1.491.364.100 đồng; Tiền lãi suất đối với khoản nợ trên, từ ngày 31/3/2020 đến ngày xét xử 27/4/2022 với mức lãi suất 10%/ năm là: 309.458.046 đồng. Tổng cộng: 1.800.822.146 đồng (Một tỷ tám trăm triệu tám trăm hai mươi hai nghìn một trăm bốn sáu đồng).

Đại diện cho bị đơn Công ty cổ phần K trình bày: khoản nợ này là nợ lũy kế từ thời gian trước đây khoảng từ năm 2010 đến năm 2020, do chúng tôi mới tiếp nhận trong điều kiện công ty cổ phần K đang tạm ngừng hoạt động, không có điện nên chi tiết khoản nợ trên phải kiểm tra lại sổ sách kế toán và các chứng từ liên quan đến khoản nợ trên. Nếu hợp lệ công ty sẽ báo cáo với Tổng công ty và các cổ đông để có hướng giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa có ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng và đúng pháp luật theo quy định tại BLTTDS,

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn , bị đơn đã chấp hành đầy đủ làm việc đúng theo triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa và cung cấp đầy đủ các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70,71,72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của đại diện nguyên đơn, lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Phi H trước đây là phó giám đốc Công ty cổ phần K , căn cứ hợp đồng nguyên tắc số 01/2019 ngày 06 tháng 9 năm 2019; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/4/2020 giữa Công ty TNHH Q và Công ty cổ phần K tính đến ngày 31/03/2020 Công ty cổ phần K còn nợ Công ty TNHH Q số tiền 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng). Do vậy việc công ty TNHH Q khởi kiện đối với Công ty cổ phần K đối với số nợ gốc 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một

trăm đồng) là có căn cứ.

Đối với lãi suất: Do các bên không thỏa thuận về lãi suất. Do Công ty cổ phần K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng thời hạn do vậy việc Công ty TNHH Q yêu cầu Công ty cổ phần K trả tiền lãi suất đối với số tiền hàng còn nợ theo lãi suất 10%/ năm và thời gian tính lãi kể từ ngày 31/3/2020 đến ngày xét xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức lãi suất mà Công ty TNHH Q yêu cầu.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 440; 351; 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Q .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đó được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần K phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa. Hai bên đều có đăng ký kinh doanh. Do vậy khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (theo khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS).

[2]. Về thời hiệu: Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH Q và Công ty cổ phần K ký kết ngày 06/9/2019 và đến 31/3/2020 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền. Nay Công ty TNHH Q khởi kiện. Do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn (quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015).

[3]. Xét yêu cầu của Công ty TNHH Q HĐXX thấy rằng:

[3.1]. Đối với số tiền gốc : Ngày 06/9/2019 Công ty TNHH Q ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty cổ phần K để cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho công ty Cp K, theo hợp đồng số 01/2019 ngày 06 tháng 9 năm 2019 thì Công ty TNHH Q bán thực phẩm hải sản tươi sống cho Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần K có trách nhiệm thanh toán tiền thực phẩm Hải sản tươi sống cho công ty TNHH Q vào các ngày 10 đến 15 hàng tháng của tháng tiếp theo. Quá trình thực hiện hợp đồng công ty cổ phần K còn nợ công ty TNHH Q số tiền hàng là 1.491.364.100đồng. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng), thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ giữa công ty TNHH Q và Công ty cổ phần K ngày 02/4/2020 tính đến ngày 31/3/2020 công ty cổ phần K còn nợ công ty TNHH Q là: 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng).

Quá trình giải quyết vụ án phía công ty cổ phần K không xuất trình được tài

liệu chứng cứ để chứng minh số nợ trên là không đúng hoặc đã trả được khoản nợ trên như thế nào, Tòa án đã có thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng đã hết thời hạn phía công ty cổ phần K không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh số nợ trên. Mặt khác theo trình bày của ông Nguyễn Phi H, ngày 06/9/2019 Công ty TNHH Q ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty cổ phần K để cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho công ty Cp K, theo hợp đồng số 01/2019 ngày 06 tháng 9 năm 2019 và tính đến ngày 31/3/2020 công ty cổ phần K còn nợ tiền hàng Công ty TNHH Q là 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng) và hai bên đã có biên bản chốt nợ ngày 02/4/2020 vào thời điểm này ông H đang làm phó giám đốc công ty cổ phần K và có văn bản ủy quyền của giám đốc công ty cổ phần K nên ông được đại diện công ty CP K ký Hợp đồng nguyên tắc và Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty TNHH Q. Do vậy việc công ty TNHH Q khởi kiện đối với công ty cổ phần K đối với số nợ tiền hàng 1.491.364.100đ. (Một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng) là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2]. Đối với lãi suất: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết Công ty TNHH Q yêu cầu công ty cổ phần K trả lãi đối với số tiền nợ 1.491.364.100 đồng theo mức lãi suất 12%/ năm tạm tính từ ngày 31/3/2020 đến ngày 22/12/2021 là: 298.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phía Công ty TNHH Q yêu cầu công ty cổ phần K trả lãi đối với số tiền nợ 1.491.364.100đồng thời gian tính lãi từ ngày 31/3/2020 đến ngày xét xử 27/4/2022 với mức lãi suất 10%/ năm. Do trong vụ án này phía công ty cổ phần K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và các bên không có thỏa thuận về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS buộc công ty cổ phần K phải có trách nhiệm trả số tiền lãi đối với số tiền Công ty cổ phần K còn nợ theo mức lãi suất Công ty TNHH Q yêu cầu là: 24 tháng 27 ngày với mức lãi suất 10%/năm.

Như vậy số tiền lãi là: $1.491.364.100\text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 24 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 309.458.046 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Công ty TNHH Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 32.843.000 đồng mà công ty nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001585 ngày 31/12/2021.

Công ty cổ phần K phải chịu số tiền án phí 66.024.664 đồng (làm tròn số: 66.025.000 đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 440; Điều 351; Điều 357; Điều 468 BLDS. Khoản 2 Điều 26. điểm c Tiểu mục 1.4 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q

Buộc Công ty cổ phần K phải trả cho Công ty TNHH Q tổng số tiền 1.800.822.146 đồng (tiền gốc: 1.491.364.100 đồng, tiền lãi: 309.458.046 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Q có đơn yêu cầu nếu Công ty cổ phần K không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Công ty TNHH Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 32.843.000 đồng mà công ty nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001585 ngày 31/12/2021

Công ty cổ phần K phải chịu số tiền án phí 66.024.664 đồng (làm tròn số: 66.025.000 đồng).

Các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty TNHH Q, Công ty cổ phần K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- TAND tỉnh, VKDND tỉnh TH;
- Chi cục THA DS TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt